

Giá trị văn học của Nam phong tạp chí

Nguyễn Hữu Sơn¹

¹ Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: lavson59@yahoo.com

Nhận ngày 10 tháng 6 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 7 năm 2017.

Tóm tắt: Với mục đích “truyền bá các khoa học tư tưởng của Thái Tây, *Nam phong tạp chí* một mặt làm sống dậy nền văn chương cổ điển của dân tộc Việt Nam; mặt khác, tiếp thu nhiều thể loại văn học mới từ phương Tây, đặc biệt là nền văn học Pháp. Nam phong tạp chí đã góp phần quan trọng đưa nền văn học nghệ thuật của Việt Nam hòa nhập với nền văn học nghệ thuật hiện đại của thế giới, nhất là của văn học nghệ thuật Pháp, và góp phần đáng kể vào sự phát triển của văn học nước nhà.

Từ khóa: Nam phong tạp chí, Phạm Quỳnh, văn học nghệ thuật, Việt Nam.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: Aimed at “disseminating Western sciences and ideologies”, the journal entitled *Nam phong tạp chí*, on the one hand, revived the Vietnamese nation’s classical literature, and on the other hand, absorbed many new genres of Western literature, especially that of France. The journal made important contributions to integrating Vietnam’s literature and arts with those of the world, especially the French literature and arts. It thus contributed significantly to the development of the country’s literature.

Keywords: Nam phong tạp chí, Phạm Quỳnh, literature and arts, Vietnam.

Subject classification: Literature

1. Đặt vấn đề

Nam phong tạp chí do Louis Marty sáng lập và Phạm Quỳnh làm chủ nhiệm, tồn tại trong hơn 17 năm, từ tháng 7/1917 đến tháng 12/1934. Với chủ trương “thổ nạp Á - Âu, điều hòa tân cựu”. Khi xác định những đóng góp của Nam phong tạp chí (1917-

1934) vào tiến trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, cần đặt tạp chí này trong bối cảnh lịch sử - văn hóa dân tộc giai đoạn này. Thực tại xã hội lúc đó đã tạo đà cho học thuật, văn chương nghệ thuật, báo chí phát triển lên một tầm mức mới. Ở đây cần đặc biệt coi trọng quan điểm lịch sử cụ thể xác định

đúng giá trị của Nam phong tạp chí, hạn chế tối đa lỗi đánh giá cực đoan (như đã từng đối xử với tổ chức Tự lực văn đoàn, phong trào Thơ mới, tư trào văn học lãng mạn và các nhóm Tri tân, Thanh nghị, Xuân thu nhĩ tập) [10, tr.55-58]. Bài viết này phân tích giá trị văn học của Nam phong tạp chí trên hai phương diện cơ bản: đội ngũ tác giả và diện mạo thể loại.

2. Đội ngũ tác giả

Albert Pierre Sarraut (1872-1962), quan cai trị, chính khách đương nhiệm Toàn quyền Đông Dương lần hai (1917-1919), đã chỉ đạo Louis Marty, Giám đốc Phòng An ninh và chính trị Đông Dương, làm người sáng lập Nam phong tạp chí cùng học giả 25 tuổi Phạm Quỳnh làm chủ bút kiêm chủ nhiệm. Ông trực tiếp xác lập tư tưởng chính trị và định hướng tôn chỉ, mục đích của Tạp chí như sau: “Mục đích báo *Nam phong* là thể cái chủ nghĩa khai hóa của Chính phủ, biên tập những bài bằng Quốc văn, Hán văn, Pháp văn để giúp sự mở mang trí thức, giữ gìn đạo đức trong quốc dân An Nam, truyền bá các khoa học của Thái Tây, nhất là học thuật tư tưởng Đại Pháp, bảo tồn quốc túy của nước Việt Nam ta, cùng bênh vực quyền lợi người Pháp người Nam trong trường kinh tế... Báo *Nam phong* lại chủ ý riêng về sự tập luyện văn quốc ngữ cho thành một nền quốc văn An Nam” [1, tr.1]. Trong suốt 17 năm tồn tại, Nam phong tạp chí đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình, đặc biệt trên phương diện văn hóa - văn học (riêng sứ mệnh “cùng bênh vực quyền lợi người Pháp người Nam trong trường kinh tế” vượt ra ngoài khả năng của một tờ tạp chí chuyên về khoa học xã hội và

nhân văn). Trên thực tế, Tạp chí đã chú trọng xây dựng, duy trì, điều hòa tốt mối quan hệ Đông - Tây, dân tộc - quốc tế, truyền thống - hiện đại với việc xuất hiện cả ba loại hình ngôn ngữ: Quốc ngữ - Hán ngữ - Pháp ngữ. Thêm nữa, Tạp chí đăng tải nhiều bài viết nhạy cảm đối với nhà nước bảo hộ (*Khảo luận về chính đảng*, số 103, *Chế độ lập hiến và chế độ đại nghị*, số 154, *Nhân quyền luận*, số 133, *Chủ nghĩa quốc gia ở Ấn Độ*, số 103, *Khảo về hiện tình nước Nga*, số 121, *Vấn đề độc lập của Phi Luật Tân*, số 196, v.v.). Chính nhờ tinh thần khảo cứu khách quan và thượng tôn tư liệu mà Nam phong tạp chí được người đương thời đón nhận, đánh giá cao và cho đến ngày nay vẫn còn nhiều phần giá trị.

Phạm Quỳnh (còn có các bút danh Thượng Chi, Hoa Đường, Hồng Nhân) là chủ bút, chủ nhiệm của Tạp chí. Ông sinh tại Hà Nội, quê quán ở làng Lương Ngọc, tổng Ngọc Cục, phủ Bình Giang (nay thuộc xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương), chịu nhiều vất vả từ nhỏ, là một tấm gương hiếu học, ngay sau khi đỗ đầu bằng Thành chung đã được bổ làm việc tại Trường Viễn Đông bác cổ (1908), sớm tham gia *Đông Dương tạp chí* (1913), có nhiều bài báo được độc giả đương thời chú ý. Chính trên nền tảng tư chất học thuật và những đóng góp, trải nghiệm thực tế đó mà Phạm Quỳnh được tin cậy giao cho phụ trách Nam phong tạp chí. Trên phương diện tổ chức, ông chịu trách nhiệm về nội dung, xây dựng cấu trúc và trực tiếp biên tập phần Quốc văn. Ngay từ khi mới tham gia điều hành tạp chí ông đã bày tỏ chính kiến trong *Mấy nhời nói đầu*: “Chúng tôi thiết tưởng rằng đương buổi bây giờ không gì cần cấp bằng gây lấy một cái cao đẳng học thức mới để thay vào cái học thức cũ đã gần mất. Vì

một dân một nước không thể giây phút bỏ qua được một cái phương châm thích đáng về đường trí thức, về đường đạo đức, mà cái phương châm ấy phi tìm ở một cái cao đẳng học thức thì không đâu thấy được. Muốn gây lấy một cái học thức như thế thì chúng tôi lại thiết tưởng rằng *không gì bằng khéo điều hòa dung hợp cái học cũ của ta với cái học mới thời nay*” (NHS nhấn mạnh) [9, tr.3-4]. Ông trực tiếp viết xã luận, nghị luận, khảo cứu, bình luận, du ký, dịch thuật trên hầu hết các lĩnh vực khoa học xã hội với tất cả tinh thần sáng tạo, say mê, tâm huyết, đạt hiệu suất và chất lượng học thuật cao. Không ai có thể nghi ngờ, xuyên tạc hay phủ nhận được trái tim yêu nước và tiếng nói trung thực của học giả Phạm Quỳnh.

Ngoài thời gian gắn bó với Nam phong tạp chí, ngay cả những năm làm quan ở triều đình Huế (1932-1945), Phạm Quỳnh vẫn luôn hướng đến quyền lợi dân tộc và tiến bộ xã hội theo cái cách của mình. Riêng về cái chết của ông, đã đến lúc chúng ta hội đủ điều kiện phục hiện tài liệu, khôi phục sự thật lịch sử và thẩm nhuần ý kiến khách quan, nhân văn. Về Phạm Quỳnh, Hồ Chí Minh nói với Tôn Quang Phiệt (1900-1973) ngay sau khi sự việc mới xảy ra: “Giết một học giả như vậy thì nhân dân được gì? Cách mạng được lợi ích gì?... Tôi đã từng gặp cụ Phạm ở Pháp... Đó không phải là người xấu” [18]. Cù Huy Cận nhận xét về Phạm Quỳnh: “Năm 1945, cuối tháng tám, tôi là Bộ trưởng Bộ Canh nông của chính phủ cách mạng lâm thời, được tham gia phái đoàn Chính phủ vào nhận sự thoái vị của Bảo Đại, có nghe dân chúng xì xào nhiều về chuyện cụ Phạm bị xử tử hình. Khi về tới Hà Nội, được gặp Bác, tôi có kể lại chuyện đó, thì Bác thở dài, nắm tay tôi

và nói: Đã lỡ mất rồi”, “Càng đọc kỹ những dòng chữ cụ viết mới càng thấy rõ hơn tấm lòng nhiệt thành yêu nước của cụ” [14]. Những sự tả khuynh, cực đoan, ấu trĩ, những hành vi manh động và cả sự ác tâm đã làm thành sự đã rồi! Song vấn đề đặt ra là ở chỗ, thế hệ hôm nay cần phải ứng xử thế nào?

Trên thực tế, làm nên thành công của Nam phong tạp chí, Phạm Quỳnh đã có được một ban biên tập và cộng tác viên hùng hậu, gắn bó trong hầu suốt 17 năm tạp chí tồn tại: Nguyễn Bá Học (1858-1921), Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến (1875-1941), Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục (1878-1954), Mân Châu Nguyễn Mạnh Bổng (1879-1951), Tiêu Đầu Nguyễn Bá Trác (1881-1945), Đồ Nam Nguyễn Trọng Thuật (1883-1940)... Nhà thư mục học Nguyễn Khắc Xuyên (1923-2005) trong công trình *Mục lục phân tích tạp chí Nam phong* từng nhấn mạnh vị thế mấy tác giả chính: Phạm Quỳnh, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Đôn Phục [17, tr.10-22]. Nguyễn Phương Chi viết: “Tờ tạp chí do Phạm Quỳnh làm chủ bút, thu hút được nhiều trí thức là do nhiều nguyên nhân: việc bãi bỏ chế độ khoa cử cũ (1919) đã gây ra không ít xáo trộn trong hàng ngũ các nhà Nho. Trí thức Việt Nam thời bấy giờ đa số được đào tạo từ cái lò Nho học, nhưng Nho học đang mất vận, các nhà Nho không còn chỗ để thi thố tài năng. Khi Phạm Quỳnh đưa ra chủ trương “bảo tồn cổ học”, “quốc túy”, “dung hòa Đông Tây”, họ cảm thấy đây là nơi ít nhiều có thể giúp mình “thế thiên hành đạo”; “quốc hồn”, “quốc túy” cũng xoa dịu tính tự ái của những kẻ có đầu óc bài Tây nhưng bất lực, yếu đuối. Còn khẩu hiệu “làm văn hóa không làm chính trị” thì sẽ làm cho hoạt

động chính trị của tờ báo bớt lộ liễu, và khiến Pháp bằng lòng. Chính vì vậy, hàng loạt cây bút Nho học đã đến với *Nam phong tạp chí*, giữ các mục “Văn uyển”, “Tiểu thuyết”, “Văn học bình luận”... và đem lại cho tờ báo cái “phong vị ngôn ngữ” cũng như “tinh thần Hán học”: Dương Bá Trạc, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Trọng Thuật, Thân Trọng Huề, Nguyễn Bá Học, Lê Du... Về sau, một số người vừa có Tây học vừa có Hán học, hoặc chỉ có Tây học, cũng ra cộng tác với *Nam phong*: Phạm Duy Tồn, Trần Trọng Kim, Vũ Đình Long, Nguyễn Tiến Lãng, Đỗ Đình Thạch” [2, tr.1270]. Có thể nói những tác giả mà Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Phương Chi nói trên đều là những trí thức yêu nước, những cây đại thụ văn hóa, gắn bó chặt chẽ với Nam phong tạp chí và góp công kiến tạo nền quốc văn - văn học Việt Nam giai đoạn bản lề nửa đầu thế kỷ XX.

3. Diện mạo thể loại

Qua 17 năm phát triển, mảng sáng tác đã ghi dấu ấn sắc nét trên Nam phong tạp chí, đặc biệt khi đặt trong tương quan đời sống văn học trên báo chí giai đoạn cùng thời (1917-1934). Thực tế cho thấy, mặc dù có thời gian hai năm tồn tại song song và giao thoa với phong trào Thơ mới (1932-1934) nhưng thơ ca trên Nam phong tạp chí chủ yếu thuộc dòng thơ cũ gắn với thể Đường luật và không để lại dấu ấn nào đáng kể. Do tính chất phức tạp, phức hợp, nguyên hợp của các loại hình và thể loại văn học mà nhà thư mục học Nguyễn Khắc Xuyên đã phân các bài viết trên Tạp chí thành 7 chủng mục cơ bản: - văn học, văn hóa, văn minh; - văn gia, thi gia; - văn phẩm; - văn thể; - văn

học thể giới; - văn học Pháp; - văn học Trung Hoa [16, tr.378-402]. Sự phân loại trên đây chỉ là một phương án và còn khá cộc cạch. Tuy nhiên, có thể cho rằng, thành tựu sáng tác trên Nam phong tạp chí chủ yếu lại là văn xuôi với hai thể loại chính là du ký và truyện ngắn.

3.1. Du ký

Trong nền văn học trung đại Việt Nam đã có nhiều sáng tác thuộc thể tài du ký (như thơ ca đề vịnh phong cảnh Thăng Long, núi Bài Thơ, Yên Tử, Hoa Lư, sông Hương núi Ngự, Gia Định, Hà Tiên...). Bước sang thế kỷ XX, thể tài du ký có bước phát triển mạnh mẽ. Khi thực hiện công trình *Mục lục phân tích Tạp chí Nam phong*, nhà thư mục Nguyễn Khắc Xuyên xác định du ký (còn được ông gọi là *du hành*) là 1 trong 14 bộ môn. Ông nêu nhận xét: “Nhiều khi chúng ta tự cảm thấy, sống trong đất nước với giang sơn gấm vóc mà không được biết tới những cảnh gấm vóc giang sơn. Thì đây, theo tờ *Nam phong*, chúng ta có thể một phần nào làm lại cuộc hành trình qua tất cả những phong cảnh hùng vĩ nhất, đẹp đẽ nhất của đất nước chúng ta từ Bắc chí Nam, từ Cao Bằng, Lạng Sơn đến đảo Phú Quốc, từ núi Tiên Du đến cảnh Hà Tiên và Ngũ Hành Sơn, từ Cổ Loa, Hạ Long đến Huế thơ mộng... Với thời gian, hẳn những tài liệu này càng ngày càng trở nên quý hoá đối với chúng ta... Trong mục Du ký này, phải kể bài *Hạn mạn du ký* của Nguyễn Bá Trạc, *Lại tới Thần kinh* của Nguyễn Tiến Lãng; *Mười ngày ở Huế*, *Một tháng ở Nam kỳ*, và nhất là *Pháp du hành trình nhật ký* của Phạm Quỳnh” [17, tr.10-22].

Thông qua các chuyến đi, các cuộc

giao lưu mà mỗi người vừa tăng thêm nhận thức và niềm tự hào dân tộc, vừa chiêm nghiệm và chứng nghiệm được đầy đủ tình nghĩa đồng bào. Trong một chuyến tới thăm Hà Nội, ông Nguyễn Tử Thức, chủ bút *Nam trung nhật báo* ở Sài Gòn, đã phát biểu trên *Nam phong tạp chí*: “Thiệt chúng tôi không ngờ giang sơn nước Nam ta cảm tú như vậy. Là bởi xưa nay chưa đi khắp nên chưa biết, chưa biết bờ cõi nước ta to rộng, nhân dân nước ta đông đảo là dường nào. Tới nay mới biết, càng biết mà cái cảm tình đối với tổ quốc càng chan chứa biết bao!... Khi tới Tourane, khi tới Hải Phòng, quanh mình toàn những người bốn quốc, cùng ăn bận như mình, cùng nói năng như mình, nhận ra mới biết người với mình, mình với người, tuy ăn ở xa nhau mà cũng là người một nòi một giống, chớ đâu” [3, tr.126].

Bài *Cảnh vật Hà Tiên* (do Đông Hồ và Nguyễn Văn Kiêm sao lục) đã mở đầu bằng niềm tự hào: “Tỉnh Hà Tiên có nhiều cảnh đẹp, có bãi dài biển rộng, hồ trong núi biếc, mỗi cảnh đều có vẻ đẹp thiên nhiên của tạo hoá... Cảnh bãi biển thì kiêu cả màu trời sắc nước, bãi cát mênh mông, gió nam mát mẻ. Cảnh núi như Thạch Động có các kỳ quan quái thạch, núi Bình San, núi Tô thì có cỏ đẹp hoa thơm...”. Niềm tự hào trước vẻ đẹp quê hương xứ sở của tác giả cũng đồng điệu với tấm lòng người chủ báo qua mấy dòng đề tựa đầy ý nghĩa: “Muốn cho con trẻ yêu mến nước nhà thì phải cho con trẻ thông thuộc nước nhà, hiểu biết cả lịch sử, địa lý, lễ giáo, phong tục; nhỏ từ cách sinh hoạt trong dân gian; lớn đến các kỷ cương về đạo lý, ngõ hầu mới có lòng thiết tha đến nơi quê hương tổ quốc của mình. Lại trước khi biết đến cái tổ quốc lớn là toàn thể quốc gia, phải biết cái tổ quốc nhỏ là nơi địa

phương mình sinh trưởng đã” [6, tr.145].

Vượt qua những áp đặt tuyên truyền tư tưởng chính trị “Pháp - Việt đề huề” và hạn chế lịch sử nhất định, Nam phong tạp chí đã tiếp nối được tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc từ cội nguồn văn học truyền thống. Trong một chừng mực nhất định, nhiều trí thức cựu học và tân học đã biết lợi dụng diễn đàn công khai để khơi gợi và giáo dục tình cảm yêu nước, nhắc nhở lại truyền thống đấu tranh anh dũng ngàn năm (thông qua việc tưởng niệm các danh nhân đất nước như An Dương Vương, Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung...; và thông qua việc ca ngợi các di tích lịch sử như Cổ Loa, đền Lý Bát Đế, hồ Hoàn Kiếm, Hoa Lư, lăng điện xứ Huế, danh thắng Bà Nà, Ngũ Hành Sơn, Sài Gòn, Tây Đô, Phú Quốc, Thạch Động, Hà Tiên).

Xét trên phương diện hình thức, thể tài du ký thu nạp nhiều phong cách thể loại, Nam phong tạp chí chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của chính quyền đương thời nên buộc phải phát ngôn tiếng nói quan phương. Tuy vậy, các bài du ký này vẫn thể hiện được niềm tự hào dân tộc và cảm xúc chân thành trước vẻ đẹp non sông đất nước. Hơn nữa, nhiều bài du ký (như *Cùng các phái viên Nam Kỳ, Một tháng ở Nam Kỳ, Mười ngày ở Huế, Pháp du hành trình nhật ký; Tổng thuật về việc phái bộ Bắc Kỳ đi quan sát đường xe lửa Vinh - Đông Hà...*) lại thực sự có giá trị sử liệu để xem xét nhiều sự kiện, hiện tượng văn hoá - xã hội và định vị hoạt động tổ chức hành chính của giai tầng công chức thượng lưu dưới thời thực dân phong kiến. Có bài du ký viễn du ghi lại những chuyến du hành vượt biên giới, đòi hỏi cả nguồn kinh phí, yêu cầu công việc và ý chí của người ham hoạt động. Các

bài du ký này đã mở ra những chân trời nhận thức mới, đưa lại niềm phấn khích. Đó là những bài du ký dài hơi, phong phú, hấp dẫn như *Hạn mạn du ký* (kể lại cuộc đi chơi phiêu qua Bangkok - Hương Cảng - Nhật Bản - Thượng Hải - Nam Kinh - Quảng Tây - Quế Lâm - Bắc Kinh - Tứ Xuyên - Quảng Đông và trở về nước); *Pháp du hành trình nhật ký* (kể về chuyến đi trong sáu tháng, từ khi rời bến Sài Gòn ngày 15-3-1922, qua những ngày lênh đênh trên biển và ở lại thăm thú nước Pháp văn minh hoa lệ, cho tới ngày 11-9 về tới cảng Hải Phòng). Có bài du ký thiên về khảo cứu danh nhân lịch sử, truyền thuyết và sự tích liên quan tới một địa điểm, địa danh cụ thể. Loại du ký này thường là kết quả sau một chuyến picnic giới hạn trong thời gian ngắn. Ví dụ, đó là *Ba Bể du ký* (Nhạc Anh Hoàng Văn Trung), *Du Ngọc Tân ký*, *Du Tử Trầm Sơn ký*, *Bài ký chơi Cổ Loa*, *Cuộc đi chơi năm tầng núi*, *Cuộc đi chơi Sài Sơn* (Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục), *Bà Nà du ký* (Huỳnh Bảo Hoà), *Thăm lăng Sĩ Vương*, *Nam du đến Ngũ Hành Sơn* (Nguyễn Trọng Thuật)... Có bài du ký hướng tới khảo sát, giới thiệu cả một vùng văn hoá sinh thái rộng lớn. Loại du ký này đòi hỏi người viết có thời gian du ngoạn theo “tua” dài hơi và đòi hỏi vốn kiến văn sâu rộng, có sự chuẩn bị tư liệu công phu và ghi chép thực địa kỹ lưỡng. Các bài du ký tiêu biểu kiểu này có: *Mười ngày ở Huế*, *Một tháng ở Nam Kỳ*, *Chơi Lạng Sơn*, *Cao Bằng* (Phạm Quỳnh), *Bài ký phong thổ tỉnh Tuyên Quang* (Nguyễn Văn Bân), *Hành trình mạn ngược, từ Cao Bằng xuống Phú Thọ* (Thái Phong Vũ Khắc Tiệp), *Các nơi cổ tích đất Nghệ Tĩnh*, *Các lăng điện xứ Huế* (Nguyễn Đức Tính), *Cảnh vật Hà Tiên* (Đông Hồ và Nguyễn Văn Kiêm)... Có bài du ký mà yếu

tố “vị nghệ thuật” chiếm phần quan trọng, ở đó người viết chăm phá một vài nét phong cảnh thiên nhiên, cuộc sống đời thường bình dị hay thoáng qua niềm vui văn hoá lễ hội, đình đám. Đó là các bài: *Trảy chùa Hương* (Thượng Chi), *Cuộc đi quan phong làng Thượng Cát* (Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục), *Một buổi đi xem đèn Lý Bát Đế* (Phạm Văn Thư), *Cuộc thưởng ca ở làng Hữu Thanh Oai* (Nguyễn Mạnh Hồng), *Cuộc chơi trăng sông Nhuệ* (Mai Khê), *Thăm ông Phạm Quỳnh* (Nguyễn Văn Kiêm), *Lại tới Thần kinh* (Nguyễn Tiến Lãng), *Tết chơi biển* (Trúc Phong) [12]. Việc phân chia các kiểu loại, du ký như trên chỉ có ý nghĩa tương đối. Song các tác phẩm du ký vẫn thể hiện chất “vị nghệ thuật”, chân, thiện, mỹ [9, tr.21-38].

Sự phát triển của chữ Quốc ngữ, báo chí và kinh tế-xã hội đã cho phép thể tài du ký có điều kiện hưng khởi. Các tác giả viết du ký vừa thoả mãn hứng thú nội tâm, trình bày những cảm xúc, cảm nhận riêng tư, vừa giới thiệu những điều trải nghiệm tai nghe mắt thấy liên quan tới mỗi thắng cảnh và di tích lịch sử. Đó cũng là nhu cầu tự nhiên kết nối giữa chủ thể sáng tác và phía tiếp nhận. Bạn đọc cũng được hướng dẫn đi tham quan, du lịch, hành hương về xứ đẹp và cội nguồn dân tộc, góp phần nâng cao nhận thức và niềm tự hào cho người đọc trước lịch sử ngàn năm và thắng cảnh non sông đất nước.

3.2. Truyện ngắn

Theo thống kê của Nguyễn Đức Thuận, Nam phong tạp chí đã in tổng cộng 73 truyện ngắn (bên cạnh cách duy danh thể loại “đoản thiên tiểu thuyết”) [15, tr.257]. Sau này nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Hào

đã in *Toàn tập truyện ngắn Nam phong* với tổng cộng 64 truyện [5]. Trong *Lời mở đầu* sách này, Lê Chí Dũng viết: “Một điều đáng chú ý ở những truyện ngắn trên *Nam phong tạp chí* là: những truyện ngắn này đã lọc qua chủ trương “điều hòa tân cựu”, “thổ nạp Á - Âu”. Có thể thấy rõ điều này nơi những tác giả các truyện ngắn: Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến và Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục là những người cựu học; những người cựu học chuyển sang tân học: Nguyễn Bá Học và Hoàng Ngọc Phách; những người tân học: Phạm Duy Tồn và Lê Đức Nhượng, ở truyện của Đông Châu và Tùng Vân không có chút gì gọi là truyện ngắn. Ở truyện ngắn Nguyễn Bá Học là sự mô tả khách quan, nhưng không vượt thoát được quan niệm văn học cũ; vừa làm quen với lối kể chuyện, mô tả, đối thoại của truyện ngắn hiện đại, vừa sử dụng văn biên ngẫu và chưa ra khỏi cách xây dựng hình tượng của văn học trung đại. Lê Đức Nhượng, không chỉ viết được nhiều truyện ngắn hơn, mà còn viết khéo hơn so với Nguyễn Bá Học. Về Phạm Duy Tồn, có nhà nghiên cứu đánh giá: “... Lấy một truyện của Phạm Duy Tồn đem đặt cạnh một truyện cổ điển, ta thấy có một sự ly dị, một sự gián cách đột ngột, bất ngờ cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật” (Thanh Lăng). Quả là truyện ngắn của Phạm Duy Tồn là một bước tiến về phía trước so với truyện ngắn của Nguyễn Bá Học, nhưng vẫn chưa thể nói đó là “một sự ly dị, một sự gián cách đột ngột, bất ngờ cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật” so với “truyện cổ điển” được. Truyện ngắn của Phạm Duy Tồn, kể cả truyện ngắn nổi tiếng của ông *Sống chết mặc bay*, vẫn chưa đạt tới truyện ngắn hiện đại... Truyện ngắn trên *Nam phong tạp chí* xuất hiện chậm hơn truyện ngắn Nam Bộ hai thập

niên; nhưng cả truyện ngắn trên *Nam phong*, cả truyện ngắn Nam Bộ đều ở bước đi đầu tiên của truyện ngắn hiện đại Việt Nam và đều nằm trong quỹ đạo của sự lựa chọn khả năng thứ hai cho sự phát triển của truyện ngắn nước nhà” [4, tr.6].

Có ý kiến cho rằng, nội dung của các tác phẩm truyện ngắn trên *Nam phong tạp chí* là “bán nước hại dân”, “cột Việt Nam vào Pháp bằng dây thừng văn hóa”, “nằm trong mưu lược của thực dân Pháp”. Khác biệt với ý kiến trên, tôi cho rằng, có tất cả các tác giả truyện ngắn, như Nguyễn Bá Học (1857-1921), Phạm Duy Tồn (1881-1924), Hoàng Ngọc Phách (1896-1973), Nguyễn Mạnh Bông (1879-1951), Nguyễn Tiến Lãng (1909-1976)... đều đề cao tinh thần dân tộc, phản ánh hiện thực đời sống xã hội và con người giai đoạn đương thời, không tuyên truyền và phục tòng chế độ thực dân Pháp. Xin đơn cử truyện ngắn *Sống chết mặc bay* của Phạm Duy Tồn được in vào ngay năm thứ hai sau khi tạp chí ra đời, được định dạng trong mục “Một lối văn hay”. Truyện đó phản ánh thực trạng người nông dân khốn khổ vì lũ lụt, phê phán sâu sắc bọn quan lại ích kỷ, vô trách nhiệm (cho dù truyện có chịu ảnh hưởng và mô phỏng *La partie de billard* của nhà văn Pháp A. Daudet, 1840-1897). Cốt truyện cô đúc, ngắn gọn, phác vẽ cảnh đối lập giữa người dân cơ cực chống lụt với tên quan phụ mẫu, “quan cha mẹ” và đồng đảng. Trong truyện đó có đoạn: “Áy, trong khi quan lớn ù ván bài to như thế, thì khắp mọi nơi miền đó, nước tràn lên lán, xoáy thành vực sâu, nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết; kẻ sống không chỗ ở, kẻ chết không nơi chôn, lênh đênh mặt nước, chiếc bóng bơ vơ, tình cảnh thảm sầu, kẻ sao cho xiết!” [16, tr.355-357].

Điều đặc biệt là, truyện ngắn *Sóng chết mặc bay* của Phạm Duy Tồn đã được Phạm Quỳnh trực tiếp viết lời dẫn, trong đó nhấn mạnh chiều sâu và sức mạnh nghệ thuật “Shakespeare hóa”. Phạm Duy Tồn là một người rất nhiệt thành với văn quốc ngữ, đã lập ra một lối văn lấy sự tả chân làm cốt. Mỗi bài văn của ông như một tấm ảnh phản ánh cái chân tướng. Ông tin rằng, văn chương nếu tả được hết cái cảnh thực thì tự khắc có cái sức cảm động vô cùng, không cần phải nghị luận xa xôi. Văn chương ta xưa nay thường lấy sự mập mờ, phảng phất làm hay, càng phiêu diêu bao nhiêu càng huyền diệu bấy nhiêu, nên ít dụng lối tả thực, coi là tầm thường. Nay văn học của Thái Tây lại trọng lối tả thực hơn là lối phá bút. Quốc văn ta sau này tất phải chịu ảnh hưởng văn Tây nhiều, lối tả thực rồi tất mỗi ngày một thịnh hành.

Có thể nói bản lĩnh nhà văn, tinh thần hướng về quốc gia, dân tộc, thượng tôn bản chất thực tại cuộc sống và ý nghĩa khách quan của hình tượng nghệ thuật đã tạo nên tính nhân dân trong *Sóng chết mặc bay* của Phạm Duy Tồn cũng như tiểu thuyết *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật và tất cả thể bài du ký đã từng xuất hiện trên Nam phong tạp chí. Điều này thể hiện định hướng, dòng chủ lưu của tiếng nói nhân dân của Nam phong tạp chí.

3.3. Nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học

Bên cạnh các lĩnh vực tư tưởng chính trị và khoa học xã hội (vốn là định hướng chủ yếu của tạp chí), phạm vi hoạt động khảo cứu, giới thiệu, dịch thuật, bình luận, trao đổi, tranh luận đều diễn ra tương đối khách quan, khoa học, công khai, dân chủ, thẳng thắn, phản ánh rõ nét chính kiến tiếng nói

của người đương thời, người trong cuộc, không quá trái ngược so với sáng tác.

Nhà thư mục học Nguyễn Khắc Xuyên đã phác họa diện mạo, đặc điểm và nhấn mạnh vị thế bộ phận văn khảo cứu, phương pháp nghiên cứu, lý luận và phê bình như sau: “Đây là mục phong phú hơn cả. Chúng tôi buộc phải phân chia ra làm nhiều tiểu đề mục. Sau mục bàn giải tổng quát về văn hóa, văn học, văn minh, hoặc so sánh hai văn hóa Âu - Á, chúng tôi xếp đặt tiểu đề về các thi nhân và văn gia. Các nhà văn lớp cũ như tác giả *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*, Nguyễn Trãi... đã được nghiên cứu tới, cũng như lớp nhà văn mới như Đông Hồ, Phan Kế Bính. Người ta phải chú trọng đến Nguyễn Du và *Truyện Kiều*. Có thể nói đây là nhân vật và tác phẩm được suy tôn hơn cả. Khởi điểm chính là ngày lễ kỷ niệm cụ Tiên Điền và những bài diễn văn trong dịp này, có ông Trần Trọng Kim tham gia tích cực. Có thể đây là lần đầu tiên trong văn học sử nước nhà, một tác phẩm thơ văn chữ Nôm được trọng quý, suy tôn và phân tích bằng những phương pháp mới. Mục tiêu duy trì và cổ động nền học cũ một phần nào đã được thực hiện ở đây” [17, tr.32].

Đặt trong tương quan với định hướng tư tưởng chính trị cũng như xu thế chung của quá trình hội nhập, giao thoa Đông - Tây và qui luật canh tân, đổi mới, phát triển, hiện đại hóa “thổ nạp Á - Âu”, “điều hòa tân cựu” nền văn học dân tộc đương thời, việc các tác giả Nam phong tạp chí quan tâm nhiều đến các vấn đề thời sự (như ở các bài: *Bảo thủ với tiến hóa*, *Luận về phương pháp*, *Văn hóa Pháp đối với tiền đồ nước Nam*, *Bàn về tiểu thuyết*, *Khảo về diễn kịch*, *Một thí nghiệm về diễn kịch*, *Quốc túy và văn*

minh, Thơ mới với thơ cũ...) là điều hoàn toàn hợp lý.

Có thể khẳng định rằng, tinh thần tranh biện, phản biện, luận thuyết, hướng đến đổi mới, đề cao cái mới “thổ nạp Á - Âu”, “điều hòa tân cựu” trên Nam phong tạp chí là thực sự phù hợp với bước đi thời đại, phù hợp với quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Xét trên phương diện “thổ nạp Á - Âu”, các tác giả của Nam phong tạp chí tập trung phiên dịch, tổng thuật, giới thiệu nhiều hiện tượng văn học Pháp xuất sắc (*Bản về hý kịch của ông Molière, Lịch sử và học thuyết của Montesquieu, Lịch sử và học thuyết của Montesquieu, Bản về nhà văn sĩ Pháp Guy de Maupassant, Văn chương Pháp, Lược khảo về văn học sử nước Pháp, Một nhà văn hào nước Pháp: Anatole France, Baudelaire tiên sinh, Tuồng Hòa Lạc, Tuồng Lôi Xích...*). Điều này đưa đến cho người đọc nguồn tri thức văn học phong phú, tạo chất xúc tác và tác động tích cực đến quá trình hiện đại hóa quốc văn trên toàn hệ thống báo chí, xuất bản, kiểu tác giả, đề tài, trào lưu, thể loại và các thủ pháp nghệ thuật. Trong yêu cầu “điều hòa tân cựu”, “tôn cổ lục”, “tổ quốc túy ngôn”, những người viết *Nam phong tạp chí* đã tập trung bảo tồn di sản văn hóa - văn học truyền thống, đi sâu khảo cứu chữ Hán, chữ Nôm, tiếng Việt, chữ Quốc ngữ; khởi động tìm hiểu từ cội nguồn ngữ văn dân gian đến trung đại và hiện đại; tổ chức kỷ niệm và đề cao vị thế danh nhân tác gia văn học (như Trần Nhân Tông, Chu Văn An, Vũ Quỳnh, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Dữ, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Lê Quý Đôn...), dịch và giới thiệu nhiều tác phẩm tiêu biểu mà con cháu ngày nay vẫn còn được thừa hưởng như thơ văn thời Lý - Trần, (*Lĩnh Nam chích quái, Quân trung từ*

mệnh tập, Hồng Đức quốc âm thi tập, Bạch Vân thi tập, Hà Tiên thập cảnh, Thượng kinh ký sự, Văn tế thập loại chúng sinh...).

Khi điểm danh và kiểm định toàn bộ phần sáng tác cũng như khảo cứu, lý luận, phê bình, dịch thuật văn học trên Nam phong tạp chí, thật khó qui kết cực đoan rằng, Nam phong tạp chí là tác hại, phản dân tộc, ru ngủ thanh niên, xa rời cuộc đấu tranh, phục vụ cho mưu đồ cướp nước, làm lợi cho thực dân...

4. Kết luận

Trên tinh thần đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có đổi mới văn học, nhiều tác gia, tác phẩm, trào lưu văn học quá khứ đã được đánh giá lại, trong đó có Nam phong tạp chí và Phạm Quỳnh. Nhiều công trình nghiên cứu, giới thiệu từ 1986 đến nay đã khẳng định vị thế cao của Nam phong tạp chí và vai trò của học giả Phạm Quỳnh. Nhiều tác phẩm quan trọng trong Nam phong tạp chí đã lần lượt được công bố trở lại. Việc đánh giá Nam phong tạp chí theo tinh thần đổi mới cần dựa trên sự khảo sát, nghiên cứu tư liệu cụ thể, nghiêm túc, xác định đúng mức những đặc điểm, hạn chế lịch sử, đồng thời khẳng định những giá trị đồng hành với tiến bộ xã hội, với xu thế hội nhập, phát triển, canh tân đất nước. Đã đến lúc cần tổng kết, đánh giá đúng mức vị thế Nam phong tạp chí trong lịch sử báo chí và quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc những năm đầu thế kỷ XX.

Tài liệu tham khảo

- [1] NPTC (1917), “Mục đích báo Nam Phong”, *Nam Phong tạp chí*, số 1.

- [2] Nguyễn Phương Chi (2004), “Nhóm Nam Phong”, *Từ điển văn học (Bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [3] Thượng Chi (1920), “Cùng các phái viên Nam Kỳ”, *Nam Phong tạp chí*, số 32.
- [4] Lê Chí Dũng (2012), “Lời mở đầu”, *Toàn tập truyện ngắn Nam Phong*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Đình Hào (2012), *Toàn tập truyện ngắn Nam Phong*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [6] Đông Hồ và Nguyễn Văn Kiêm (1930), “Cảnh vật Hà Tiên”, *Nam Phong tạp chí*, số 150.
- [7] Đặng Minh Phương (2008), “Ông Phạm Quỳnh và báo Nam Phong”, *Tạp chí Hồn Việt*, số 14.
- [8] Đặng Minh Phương (2017), “Trở lại chuyện Phạm Quỳnh”, *Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh*, số 447.
- [9] Phạm Quỳnh (1917), “Mấy nhời nói đầu”, *Nam Phong tạp chí*, số 1.
- [10] Nguyễn Hữu Sơn (1991), “Về giai đoạn văn học “nhận đường” thập kỷ tám mươi”, *Tạp chí Cửa Việt*, số 8.
- [11] Nguyễn Hữu Sơn (2007), “Thẻ tài du ký trên tạp chí Nam Phong (1917-1934)”, *Nghiên cứu Văn học*, số 4.
- [12] Nguyễn Hữu Sơn (2007), *Du ký Việt Nam - Nam phong tạp chí (1917-1934)*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [13] Nguyễn Hữu Sơn (2016), “Nhìn lại mối quan hệ sáng tác và phê bình văn học”, *Tạp chí Kiến thức ngày nay*, số 937.
- [14] Văn Tạo (2005), “Phạm Quỳnh - Chủ bút báo Nam phong”, *Khoa học và ứng dụng*, số 2.
- [15] Nguyễn Đức Thuận (2008), *Văn trên Nam Phong tạp chí (Điện mạo và thành tựu)*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [16] Phạm Duy Tồn (1918), “*Sống chết mặc bay*”, *Nam Phong tạp chí*, số 18.
- [17] Nguyễn Khắc Xuyên (2002), *Mục lục phân tích tạp chí Nam phong*, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [18] <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien>